TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/DS-PT
Ngày: 05-3-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Nguyễn

Các Thẩm phán:

+ Ông Hoàng Ngọc Linh

+ Ông Lê Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 283/2020/TLPT-DS, ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc:*" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

Do Bản án sơ thẩm số: 53/2020/DS-ST, ngày 19/06/2020 của Toà án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang bị kháng cáo Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 283/2020/QĐXX-PT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa: số 16/2021/QĐ-PT, ngày 25 tháng 01 năm 2021; số: 25/2021/QĐ-PT, ngày 08 tháng 02 năm 2021của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971;

Cư trú: số 07, tổ 1, ấp PT 2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1977;

Cư trú: số 479, tổ 23, ấp AM, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang. Số điện thoại 0939 xxx xxx.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn S là ông Ngô Nam T, sinh năm 1953, đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/7/2020).

Cư trú: số 478/36B, đường Triệu Quang P, khóm ĐT3, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang; Số điện thoại 0918 xxx xxx.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trương Thị M2, sinh năm 1942;

3.2. Bà Nguyễn Thị Diễm T2, sinh năm 1991;

Cư trú: số 07, tổ 1, ấp PT 2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (chung địa chỉ bà M); số điện thoại 0332 xxx xxx.

Tại phiên tòa, có mặt ông Ngô Nam T; vắng mặt các bà: Nguyễn Thị M, Trương Thị M2, Nguyễn Thị Diễm T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

* Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị M do ông Quách Thanh P đại diện trình bày:

Vào ngày 13/12/2014, bà Nguyễn Thị M có cho ông Nguyễn Văn S vay số tiền 100.000.000đ để làm ăn, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không hẹn thời gian trả, khi nào cần thì chỉ biết trước 10 ngày. Việc vay có làm biên nhận. Sau khi vay, ông S không trả lãi như thỏa thuận. Bà có đòi nhiều lần, nhưng ông Nguyễn Văn S không trả.

Do đó, bà M yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả lại số tiền vốn vay của 100.000.000đ và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 13/12/2014.

* Bị đơn: ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông không có vay tiền của bà M mà vay của mẹ bà M là bà Trương Thị M2 100.000.000đ. Khi vay tiền làm biên nhận, có mặt bà M2, bà M và Diễm Thúy con của bà M, tiền là của bà M2, nhưng Diễm Thúy đứng tên trong Biên nhận, ông và bà M cùng ký tên là người vay tiền. Vay tiền không thỏa thuận thời gian trả, không thỏa thuận lãi suất, chỉ nói cho tiền cà phê. Sau khi vay khoảng vài tháng thì giữa ông bà M có cự cãi, bà M đòi lại số tiền này. Ông đã bán nhà, mang tiền đến trả cho bà M2, có mặt bà M2, bà M, Diễm Thúy và vợ chồng bạn của ông S là ông Dương Văn Hoàng và bà Hoàng Thị Thúy (tên thường gọi là Nhung). Bà M2 và Diễm Thúy cùng kiểm đếm số tiền này. Do chỉ đủ tiền trả nợ gốc, nên ông nói với bà M2 vài tháng nữa có tiền thì ông gửi tiền bà M2 uống cà phê. Ông yêu cầu bà M2 đưa lại Biên nhận, nhưng bà M không chịu đưa, bà chửi, đuổi ông ra về.

Biên nhận ngày 13/12/2014, bà M cung cấp không đúng Biên nhận ông ký trước đây và không phải chữ ký của ông.

Do đã trả tiền cho bà M2 xong, nên ông không đồng ý trả tiền cho bà M.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Thị M2 trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, nhưng bà không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất, nên không ghi nhận được ý kiến.

- Bà Nguyễn Thị Diễm T2 trình bày, bà là con gái của bà M, bà M2 là bà ngoại của bà. Việc vay tiền giữa bà M với ông S bà không biết bao nhiêu, chỉ nhớ việc vay của ông S với bà M cách khoảng thời gian vay của bà M2 khoảng chừng

10 đến 15 ngày, do thời gian đó ông S xây nhà và mua máy cắt lúa. Nhưng việc ông S trả 100.000.000đ là tiền vay của bà M2. Bà cùng với bà M2 là người trực tiếp nhận và kiểm đếm số tiền ông S trả cho bà M2. Khi ông S trả tiền, bà không nhớ rõ thời gian trả, nhưng có bà Thúy, bà M2, ông S, ông Hoàng, bà Nhung chứng kiến việc trả tiền này.

Ngày 10/8/2015, ông Quách Thanh P đại diện theo ủy quyền của bà M có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký của ông Nguyễn Văn S trên giấy nhận nợ ngày 13/12/2014 do bà Nguyễn Thị M cung cấp. Kết quả không xác định được chữ ký trong giấy nợ là của ông S.

Tại Bản án sơ thẩm số: 53/2020/DS-ST, ngày 19/06/2020 của Toà án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang đã xử:

" *Căn cứ: Điều 26, 35, 39, 144, 147, 161, 227, 228, 229 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.*

Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vốn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi 48.970.000đ (Bốn mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng), tổng cộng 148.970.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông S phải chịu chi phí giám định 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), do bà M đã nộp xong, nên ông phải hoàn trả cho bà M số tiền này.

- Án phí dân sơ thẩm ông Nguyễn Văn S phải chịu 7.448.500đồng (Bảy triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị M nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003792 ngày 08/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Ngày 30/6/2020, ông Nguyễn Văn S kháng cáo Bản án sơ thẩm số: 53/2020/DS-ST, ngày 19/06/2020 của Toà án nhân dân huyện CM, không đồng ý trả 100.000.000đ cho bà M vì ông không còn nợ bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn S trong hạn luật định, nên được xem xét giải quyết; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: việc bà M cung cấp giấy nhận nợ của ông S để khởi kiện yêu cầu trả 100.000.000đ, nhưng qua giám định không kết luận được chữ ký của ông S. Ông S không thừa nhận nợ của bà M, ngoài giấy nhận nợ bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông S nợ tiền của bà. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt HĐXX) chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà M. Buộc bà M chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: các bà: Nguyễn Thị M, Trương Thị M2, Nguyễn Thị Diễm T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục kháng cáo: Bản án sơ thẩm được tuyên án ngày 19/6/2020, đến ngày 30/6/2020, ông Nguyễn Văn S nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn pháp luật quy định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4]. Về nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Văn S kháng cáo không đồng ý trả tiền cho bà M vì ông không có vay tiền của bà M; ông chỉ có vay 100.000.000đ của bà M2 (mẹ của bà M) và đã trả xong. HĐXX xét thấy:

[5]. Bà M xuất trình "Giấy nhận nợ" ngày 13/12/2014 có chữ ký và viết tên "Nguyễn Văn S" để khởi kiện đòi số tiền vay 100.000.000đ. Ông S không thừa nhận vay tiền của bà M, chữ ký trong "Giấy nhận nợ" không phải của ông.

[6]. Theo yêu cầu của bà M, Tòa án nhân dân huyện CM đã trưng cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Văn S. Tại kết luận giám định số: 303/KLGĐ-PC54, ngày 02/11/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận "không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký mang tên Nguyễn Văn S trên "Giấy nhận nợ" ngày 13/12/2014 (ký hiệu A1) so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn S trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1-M6) do cùng một người ký ra hay không".

[7]. Như vậy, qua kết quả giám định không xác định được chữ ký trong "Giấy nhận nợ" do bà M cung cấp là của ông S, nên căn cứ vào biên nhận này thì không đủ cơ sở để xác định ông S có vay tiền của bà M.

[8]. Suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông S không thừa nhận vay tiền của bà M. Bà M là người khởi kiện, nên bà là người có nghĩa vụ chứng minh ông S nợ tiền của bà. Ngoài "Giấy nhận nợ" ngày 13/12/2014, bà M không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh ông S có vay của bà 100.000.000đ, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

[9]. Cấp sơ thẩm nhận định ông S không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông, nên buộc ông phải có trách nhiệm trả nợ cho bà M là không chính xác vì việc ông S trình bày ông không vay tiền của bà M, thì ông không có nghĩa vụ chứng minh việc vay tiền này; ông xác nhận có vay tiền của bà M2 và đã trả xong có sự chứng kiến của bà Diễm Thúy. Các ông, bà: Nguyễn Thị Diễm T2 Dương Văn Hoàng (Hiếu) và Hà Thị Nhàng (Nhung) đều xác nhận có chứng kiến việc ông S trả 100.000.000đ cho bà M2.

[10]. Như vậy, ông S đã chứng minh cho lời trình bày của ông về việc vay tiền của bà M2 và đã trả cho bà M2 là có căn cứ, nên cần phải chấp nhận lời trình bày này của ông S.

[11]. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S; sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

[12]. Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nêu trên, nên được HĐXX chấp nhận.

[13]. Về án phí:

[13.1]. + Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, nên ông S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[13.2]. + Yêu cầu khởi kiện của bà M không được chấp nhận, nên bà phải chịu án phí sơ thẩm là 7.448.000đ (5%/148.970.000) được trừ qua 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm. Sau khi khấu trừ, bà còn phải nộp tiếp 4.948.000đ.

[14]. Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà M không được chấp nhận, nên bà phải chịu chi phí cho việc giám định là 150.000đ. Bà đã nộp xong.

[15]. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S;

- Sửa Bản án số: 53/2020/DS-ST, ngày 19/06/2020 của Toà án nhân dân huyện CM về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản":

- Không chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đòi ông Nguyễn Văn S trả tiền vốn 100.000.000đ và tiền lãi.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số TU/2017/0008672, ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang.

+ Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.448.000đ (bảy triệu, bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng) được trừ qua 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số TU/2014/0003792 ngày 08/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM. Sau khi khấu trừ, bà còn phải nộp tiếp 4.948.000đ (bốn triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

- Về chi phí tố tụng: bà M phải chịu chi phí giám định 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng). Bà M đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện CM;
- VKSND huyện CM ;
- Chi cục THA Dân sự huyện CM;
- Lưu: HS, Phòng KTNV, Tòa Dân sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Nguyễn